TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20** /2026/HNGĐ - ST
Ngày: 13/01/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hùng và bà Đỗ Thị Kim Vân;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà ↪→▶◢⬅⇔ ⇄↕⇲⇔→ ↻↑➡⬅⇔→ - Kiểm sát viên;

Ngày 13/01/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 213/2025/TLST - HNGĐ ngày 02/10/2025, V/v Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, giữa:

-Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Tố U,** sinh năm: 1990; nơi đăng ký HK và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

-Bị đơn: Anh **Trương Hữu Đ,** sinh năm: 1982; nơi đăng ký HK và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn: Đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa Chị U trình bày:*

1.Về tình cảm vợ chồng: Tôi và anh Trương Hữu Đ kết hôn ngày năm 2016, khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là phường T2, tỉnh Bắc Ninh) (theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016 do UBND xã X cấp). Nghề nghiệp vợ chồng: Đều lao động tự do (tôi hiện làm nhân viên doanh nghiệp, anh Đ nay làm công việc gì thì tôi không rõ).

Quá trình chung sống, vợ chồng tôi hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 – 3 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung (từ tình cảm đến làm ăn kinh tế). Dẫn đến khoảng giữa năm 2022 tới nay vợ chồng sống chung nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Việc vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân hai bên gia đình đều biết nhưng do vợ chồng đã trưởng thành, do vậy để hai vợ chồng tự quyết định cuộc sống riêng của mình. Nay tôi xét thấy mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xem xét cho tôi được ly hôn với anh Trương Hữu Đ, để hai bên sớm ổn định cuộc sống và công việc.

2.Về con chung**:** Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là Trương Thanh P, sinh ngày: 17/9/2017. Ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao con Trương Thanh P cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con tôi đề nghị anh Trương Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*)/1 tháng. Về mức thu nhập thực tế của tôi là 16 triệu/tháng (Làm doanh nghiệp nước ngoài, thu nhập ổn định).

3. Về tài sản chung, công sức và công nợ chung: Tôi xin được tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tôi xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*****_Bị đơn_**:** Anh Trương Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt và không có quan điểm gì về giải quyết vụ án.

*_Đại diện gia đình:_ Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1948; HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, thành phố hà Nội. Là mẹ đẻ anh Đ. Tại Đơn đề nghị ngày 20/11/2025 bà Chuyển trình bày: Chị U và anh Đ kết hôn năm 2016, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đến nay sinh được 01 con chung là Trương Thanh P, sinh năm 2017. Quá trình vợ chồng chung sống cũng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm. Việc vợ chồng các con có mâu thuẫn gia đình chúng tôi có biết và có can thiệp nhưng không đạt kết quả. Do hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay Chị U có đơn xin ly hôn anh Đ, là mẹ đẻ tôi đề nghị Tòa hòa giải để anh Đ và Chị U thay đổi để vợ chồng về đoàn tụ và cùng nuôi dạy con chung. Nếu Chị U cương quyết xin ly hôn tôi cũng nhất trí và tôn trọng quyền tự do của anh, chị và đề nghị Tòa giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng để nuôi dạy con chung.

Ly hôn Chị U và anh Đ có 01 con chung là Trương Thanh P, sinh năm 2017, do cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Tòa giao con cho Chị U được nuôi con. Về các vấn đề khác như tài sản, công nợ chung của vợ chồng tôi không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa có mặt Chị U và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn như đã đề nghị đồng thời bổ sung quan điểm nếu được nuôi con, về vấn đề góp phí tổn nuôi con

chị không yêu cầu tòa giải quyết. anh Đ vắng mặt và không có quan điểm về các vấn đề giải quyết trong vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành hòa giải,... đúng quy định tại các Điều: 28, 68, 177, 195, 196, 203, 209 Bộ luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 72, Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Trên cơ sở nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 38, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Tố U, cần xử cho Uyên được ly hôn anh Trương Hữu Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thanh P, sinh ngày: 17/9/2017. Ly hôn đề nghị giao con chung Trương Thanh P cho Chị U được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa Chị U không yêu cầu nên cần tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con chung cho anh Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận nên không đề nghị tòa giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. anh Đ, Chị U có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1.Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 - Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. anh Đ và Chị U đều trú tại xã Đ, thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tống đạt các văn bản

←

tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, có mặt Chị U, vắng mặt anh Đ. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Tố U và anh Trương Hữu Đ kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Nay là phường T2, tỉnh Bắc Ninh) ngày 04/05/2016, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu và không bị ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo Chị U thì vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 02 - 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã (từ tình cảm đến kinh tế), vợ chồng ở chung nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau từ năm 2022 cho đến nay. Việc vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân hai bên gia đình đều biết nhưng do vợ chồng đã trưởng thành do vậy để hai vợ chồng tự quyết định cuộc sống riêng của mình. Nay Chị U xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng căng thẳng không còn hạnh phúc nên xin được ly hôn anh Đ theo quy định của pháp luật. Anh Trương Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt và không có quan điểm về giải quyết vụ án.

Qua lời trình bày của Chị U, xác minh tại địa phương và quan điểm của đại diện gia đình bà Hoàng Thị C (mẹ đẻ anh Đ). Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa Chị U và anh Đ là trầm trọng, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm tới cuộc sống của nhau từ nhiều năm nay đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa Chị U và anh Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị U và cần xử cho Chị U được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2.Về con chung*:* Vợ chồng sinh được 01 con chung là Trương Thanh P, sinh ngày: 17/9/2017, hiện đang ở chung cùng vợ chồng. Ly hôn Chị U xin được nuôi con và về góp phí tổn nuôi con xin được tự thỏa thuận và không đề nghị giải quyết. anh Đ vắng mặt và không có quan điểm về nuôi con; đại diện gia đình bà Hoàng Thị C (mẹ đẻ anh Đ) đề nghị nếu vợ chồng ly hôn do cháu Phương còn nhỏ nên đề nghị Tòa giao con cho Chị U được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Do cháu Trương Thanh P, sinh ngày: 17/9/2017 còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của người mẹ. Để bảo vệ quyền và lợi ích của con chung khi vợ, chồng ly hôn. Cần giao con Trương Thanh P cho Chị U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

⇢

2.3.Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do Chị U không yêu cầu giải quyết nên tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con chung cho anh Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản, công sức, các khoản vay, cho vay của vợ chồng: Xin tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự nếu có tranh chấp trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí*:* Chị U phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; Chị U và anh Đ có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 38, Điều 51; khoản 1, Điều 56, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Tố U đối với anh Trương Hữu Đ;

1. Về hôn nhân: Chị **Trương Thị Tố U** được ly hôn anh **Trương Hữu Đ**.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thanh P, sinh ngày: 17/9/2017. Ly hôn, giao con Trương Thanh P cho Chị U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Tài sản chung, công sức, các khoản vay và cho vay của vợ chồng: Chị U xin tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự nếu có tranh chấp theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Tố U phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm Chị U đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009860 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 - Hà Nội ;
- VKSND TP Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11- Hà Nội ;
- UBND xã Đ, Hà Nội;
- UBND P. T2, Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí